

Bản án số: 28/2018/HNGĐ – ST
Ngày 19 - 9 - 2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái.
2. Ông Nguyễn Đức Tiến

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về ly hôn; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn 8, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 20 tháng 04 năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu, rồi tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình nhà anh T ở thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh

phúc, đến khoảng năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị khó có con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh T đã nhiều lần đánh chị nên từ tháng 9/2016 chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn 8, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc ở từ đó cho đến nay, từ khi sống ly thân hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nếu có đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T để cả hai có cơ hội tạo lập cuộc sống mới.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh trình bày:

Anh nhất trí với lời trình bày của chị S về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh đã có nhiều mâu thuẫn nên năm từ năm 2016 chị S đã về nhà bố mẹ chị S ở từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị S khởi kiện xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S và anh có nguyện vọng xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh không có con chung.

Về con riêng: Anh có một con riêng nhưng anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị S đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T, do đó đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28,

35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và đề nghị xin được xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn T đều thừa nhận vợ chồng anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B và qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P thể hiện chị S và anh T có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 4 năm 2015, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do chị S khó có con và mâu thuẫn lớn nhất vào năm 2016 nên chị S đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị S đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, anh xác định không còn tình cảm với chị S nên anh nhất trí ly hôn chị S nhưng anh T không đến Tòa để Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị S và anh T. Xét, cuộc sống chung giữa chị S và anh T không thể tiếp tục vì anh, chị sống ly đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, điều đó thể hiện anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình; do đó cần giải quyết cho chị S và anh T được ly hôn.

Về nuôi con chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Về nuôi con riêng: Không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị S phải chịu theo qui định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết

Về nuôi con riêng: Không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn

sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0002703 ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan